

Bản án số: 16/2017/HSST
Ngày: 23/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Quý - Phó chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện Đ, tỉnh Gia Lai.
2. Ông Trần Văn Minh - Nguyên chủ tịch Hội cựu chiến binh huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Mạc Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 11/2017/HSST ngày 13/7/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh N, sinh năm 1985, tại tỉnh B; trú tại: Thôn 4, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; con ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1957 và bà Hồ Thị T sinh năm 1957; bị cáo có vợ Hồ Thị Thu T, sinh năm 1983 và có hai người con lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án: 01 tiền án về tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Gây rối trật tự công cộng” bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 36 tháng tù giam theo bản án số 14/HS-PT ngày 14/4/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai (Bị cáo đã chấp hành xong phần hình phạt nhưng chưa chấp hành xong phần bồi thường thiệt hại).

**** Người bị hại:***

1. Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1997; trú tại: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
2. Anh Đinh L, sinh năm 1987; trú tại: Làng H, xã K, huyện Kô, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1996; trú tại: Làng K, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Bùi Thị M, sinh năm 1953; trú tại: Xã V, huyện V, tỉnh B. Có mặt.

2. Anh Trần Trọng T, sinh năm 1979; trú tại: Tổ 7, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Ông Lưu Văn T, sinh năm 1959; trú tại: Làng K, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Thanh N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 07/02/2017 Nguyễn Thanh N đến nhà Trần Ngọc T chơi và uống rượu, sau đó N và T cùng nhau đi chơi đến khoảng 01 giờ ngày 08/02/2017 thì cả hai về lại nhà T để ngủ. Đến khoảng 6 giờ ngày 08/02/2016 khi cả nhà T ngủ dậy thì không thấy N đâu và T phát hiện bị mất một điện thoại di động nhãn hiệu “OPPO” A37 mà trước đó T để ở đầu giường trong nhà. Nghi N lấy cắp điện thoại nên T cùng mẹ là bà Nguyễn Thị H đến nhà anh Nguyễn Anh T để tìm N nhưng không gặp.

Đến ngày 10/02/2017 anh T gặp N có hỏi việc T mất điện thoại thì N đã thừa nhận việc trộm cắp chiếc điện thoại của T và hiện mang đi cầm đồ tại tiệm điện thoại Hoa Nam ở thị xã A để lấy số tiền 2.000.000 đồng tiêu xài, đồng thời đưa cho anh T giấy biên nhận của tiệm điện thoại trên. Trong lúc anh T điện thoại báo cáo sự việc đến cơ quan Công an thì N đã bỏ lại xe mô tô và bỏ trốn. Đến ngày 14/4/2017 N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K để đầu thú.

Tại kết luận định giá ngày 17/02/2017 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng huyện Đ xác định giá trị 01 điện thoại di động nhãn hiệu “OPPO A37”, màu sơn vàng - hồng, số Imei1 863090032898816 số Imei2 863090032898808 là 2.500.000đ.

Ngoài ra trong quá trình điều tra phát hiện Nguyễn Thanh N còn thực hiện 02 lần phạm tội khác trên địa bàn huyện K như sau:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 27/01/2017 Nguyễn Thanh N đi vào rừng đê nhử chim, khi đi qua trại rẫy của anh Đinh L thì phát hiện có xe mô tô BKS 81K1-7955 của anh L đang dựng dưới gốc cây trong rẫy, quan sát thấy không có ai trông coi nên N đã dắt xe mô tô BKS 81K1-7955 giấu ở rừng bạch đàn sau đó N đi bộ về nhà. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày N ra lấy chiếc xe mô tô BKS 81K1-7955 và điều khiển đến thị xã A. Do sợ khi mang xe trộm cắp về nhà sẽ bị mẹ và cha dượng la mắng đồng thời không có chỗ giấu xe nên N đã tháo biển kiểm soát và bình điện của xe ra khỏi xe, N đem xe giấu xuống ao nhà ông B, còn bình điện và BKS N mang về nhà giấu ở ngoài vườn nhà.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 17/02/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng huyện K kết luận chiếc xe mô tô BKS 81K1-7955, nhãn hiệu “ESPERO”, số

khung 0165A000861, số máy 50FMG3000861 là 2.688.000đ.

Vụ thứ hai: Vào ngày 10/02/2017 Nguyễn Thanh N cùng với Nguyễn Văn H đi đến nhà ông Lưu Văn T, tại đây N có nói với ông T là N có một đám mì củ chưa nhô tại xã K, huyện K vì đang nợ tiền nên N cần bán gấp, T đã đồng ý môi giới mua bán cho N nên T đã điện thoại cho Nguyễn Văn T đến nhà T để gặp N. Sau đó, N dẫn T và ông T đi đến khu vực rẫy mì có diện tích 1,2ha tại làng H, xã K, huyện K của bà Bùi Thị M để chỉ cho T xem rẫy mì. Sau khi xem rẫy T đã tin và đồng ý mua. Ban đầu N đòi bán với giá 40.000.000đ nhưng T không đồng ý, khi về đến nhà ông T hai bên thỏa thuận và nhờ ông T viết giấy mua bán rẫy mì trên với giá 15.000.000đ, sau đó N bớt 1.000.000đ còn lại 14.000.000đ. Sau khi nhận được tiền N đã cho ông T 1.000.000đ, số tiền còn lại N tiêu xài cá nhân hết. Về phần anh T sau khi mua được rẫy mì anh T đã thuê người đến thu hoạch và thuê xe tải vận chuyển số lượng mì thu hoạch được là 17 tấn mì tươi đến và bán cho Nhà máy mì thị xã A với giá 24.000.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 24/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện K kết luận trị giá 17 tấn củ mì tươi là 22.100.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 10/CTr-VKS ngày 13/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh N về các tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh N phạm tội: “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 138; khoản 1 Điều 139; Điều 33; điểm p khoản 1, Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 49 và Điều 50 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N từ 18 đến 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N từ 20 đến 26 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

Áp dụng khoản 2 Điều 41; Điều 42 của Bộ luật hình sự; Điều 76; khoản 2 Điều 99 của bộ luật tố tụng hình sự; Điều 122, Điều 127; Điều 131 và Điều 589; của Bộ luật dân sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử lý vật chứng, giải quyết vấn đề bồi thường trong vụ án và giải quyết án phí.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thanh N khai nhận toàn bộ hành vi của mình phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập có được trong hồ sơ vụ án, vì vậy đã có đủ cơ sở Hội đồng xét xử kết luận: Ngày 07/2/2017 Nguyễn Thanh N đến nhà Trần Ngọc T chơi và uống rượu, sau đó N và T cùng nhau đi chơi đến khoảng 01 giờ ngày 08/02/2017 thì

cả hai về lại nhà T để ngủ, sau đó N trộm cắp một điện thoại di động nhãn hiệu “OPPO” A37 của T và mang đi cầm đồ tại tiệm điện thoại Hoa Nam ở thị xã A để lấy số tiền 2.000.000 đồng tiêu xài.

Ngoài ra trong quá trình điều tra phát hiện Nguyễn Thanh N còn thực hiện 02 lần phạm tội khác trên địa bàn huyện K như sau:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 27/01/2017 Nguyễn Thanh N thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô BKS 81K1-7955 của anh Đinh L giấu ở rừng bạch đàn sau đó N đi bộ về nhà. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày N ra lấy chiếc xe mô tô BKS 81K1-7955 và điều khiển đến thị xã A và N đã tháo biển kiểm soát, bình điện của xe ra khỏi xe, N đem xe giấu xuống ao nhà ông B, còn bình điện và BKS N mang về nhà giấu ở ngoài vườn nhà.

Vụ thứ hai: Vào ngày 10/02/2017 Nguyễn Thanh N đến nhà ông Lưu Văn T và nhờ ông T tìm môi bán một đám mì củ chưa nhổ tại xã K, huyện K, sau đó N bán đám mì 1,2 ha cho Nguyễn Văn T giá 14.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền N đã cho ông T 1.000.000 đồng, số tiền còn lại N tiêu xài cá nhân hết.

Tại kết luận định giá ngày 17/02/2017 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng huyện Đ xác định giá trị 01 điện thoại di động nhãn hiệu “OPPO A37”, màu sơn vàng - hồng, số Imei1 863090032898816 số Imei2 863090032898808 là 2.500.000đ; tại kết luận định giá tài sản ngày 17/02/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng huyện K kết luận chiếc xe mô tô BKS 81K1-7955, nhãn hiệu “ESPERO”, số khung 0165A000861, số máy 50FMG3000861 là 2.688.000đ và tại kết luận định giá tài sản ngày 24/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện K kết luận trị giá 17 tấn củ mì tươi là 22.100.000đ. Từ những nhận định trên đã có đủ cơ sở tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh N phạm các tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Đề nghị xét và đánh giá đúng nội dung tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả gây ra cho xã hội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy rằng:

Xét về hành vi trộm cắp tài sản và hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh T, anh Đinh L, anh T và bà M được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, đồng thời hành vi trên còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Để có tiền tiêu xài phục vụ cho mục đích cá nhân, bị cáo đã lợi dụng sự sơ ý của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, nên đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và lợi dụng lòng tin của người bị hại để lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà đáng lẽ ra bị cáo phải nhận thức được rằng quyền sở hữu tài sản luôn được Nhà nước tôn trọng và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều trái pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm d khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với vụ án này bị cáo đã hai lần

thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và một lần hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên hành vi của bị cáo đã rơi vào trường hợp phạm tội nhiều lần; trước đây bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Gây rối trật tự công cộng” chưa được xóa án tích lần này bị cáo tiếp tục phạm tội do cố ý nên hành vi của bị cáo rơi vào trường hợp tái phạm được quy định tại khoản 1 Điều 49 của Bộ luật hình sự. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cần được áp dụng đối với bị cáo được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo N có nhân thân xấu, có tiền án về tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Gây rối trật tự công cộng” bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 36 tháng tù giam theo bản án số:14/HS-PT ngày 14/4/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai chưa được xóa án tích lần này bị cáo tiếp tục thực hiện phạm tội do lỗi cố ý. Do đó khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn thật nghiêm khắc nhằm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để giáo dục các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội là điều cần thiết.

Đối với vụ án này, xét xử bị cáo một lần về nhiều tội nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt chung của nhiều tội.

Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 1.000.000đ do ông Lưu Văn T giao nộp, được xác định đây là tiền hợp pháp của anh Nguyễn Văn T dùng vào việc mua rẫy mì ngay tình nên Hội đồng xét xử cần tuyên trả lại cho anh Nguyễn Văn T.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với tội trộm cắp tài sản người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Trọng T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.000.000đ mà bị cáo đã cầm cố chiếc điện thoại di động của anh Trần Ngọc T và người bị hại anh Đinh L sau khi nhận lại tài sản yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền sửa chữa xe do bị ngâm nước lâu ngày là 2.000.000đ. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường lại toàn bộ số tiền trên, nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Trọng T số tiền 2.000.000đ và bồi thường cho anh Đinh L số tiền 2.000.000đ.

Đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, xét giao dịch dân sự giữa bị cáo và anh Nguyễn Văn T mặc dù được xác lập bằng văn bản nhưng mục đích của giao dịch trái pháp luật và trái đạo đức xã hội, một bên tham gia giao dịch do bị lừa dối nên giao dịch giữa các bên là giao dịch dân sự vô hiệu. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 122; Điều 127 và Điều 131 của Bộ luật dân sự để giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu. Bị cáo N đã chiếm đoạt của anh T với số tiền 14.000.000đ nhưng sau đó đã thu hồi lại được số tiền 1.000.000đ do bị cáo đã cho ông T để trả lại cho anh T, số tiền còn lại là 13.000.000đ bị cáo đã tiêu sài mục đích cá nhân và chưa trả lại cho anh T. Tại phiên tòa anh T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 13.000.000đ và bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên cho anh T, nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền là 13.000.000đ.

Xét yêu cầu bồi thường của bà Bùi Thị M thì thấy rằng giữa bà M và anh T không

có giao dịch dân sự về việc mua bán rẫy mì nhưng anh T là người trực tiếp xâm phạm và làm thiệt hại đến tài sản của bà M, nên nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm hại cho bà M theo quy định tại điều 589 của Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa bà M yêu cầu anh T bồi thường trị giá 17 tấn củ mì tươi là 22.100.000đ, anh T đồng ý bồi thường cho bà M số tiền là 22.100.000đ, nên Hội đồng xét xử buộc anh Nguyễn Văn T phải bồi thường cho bà Bùi Thị M số tiền là 22.100.000đ.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo N và anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền còn phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh N phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; khoản 1 Điều 139; Điều 33; điểm p khoản 1, Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 49 và Điều 50 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Thanh N 20 (Hai mươi) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: Nguyễn Thanh N 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 44 (Bốn mươi bốn) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo tạm giữ, tạm giam là ngày 17/4/2017.

3. Áp dụng khoản 2 Điều 41; Điều 42 của Bộ luật hình sự; Điều 76; của bộ luật tố tụng hình sự; Điều 122, Điều 127; Điều 131 và Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Xử trả lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng)

Việc xử lý vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/8/2017 giữa cơ quan Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Xử buộc bị cáo Nguyễn Thanh N phải bồi thường cho anh Trần Trọng T số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Xử buộc bị cáo Nguyễn Thanh N phải bồi thường cho anh Đinh L số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Xử buộc bị cáo Nguyễn Thanh N phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền là 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).

Xử buộc anh Nguyễn Văn T phải bồi thường cho bà Bùi Thị M số tiền là 22.100.000đ (Hai mươi hai triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất được xác định theo sự thỏa thuận giữa các bên nhưng không được vượt quá lãi suất giới hạn theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Nếu không có sự thỏa

thuận thì mức lãi xuất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, tại thời điểm thanh toán.

4. Áp dụng khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử buộc bị cáo Nguyễn Thanh N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 850.000đ (Tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải bồi thường.

Xử buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu 1.105.000đ (Một triệu, một trăm lẻ năm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải bồi thường.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án 23/8/2017 bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Ngọc Bình